TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HSST
Ngày: 28/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các hội thẩm nhân dân Ông Đinh Văn Hải

Ông Lã Văn Luật

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2019/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXXST-HS ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thái T**, tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 26/10/1978 tại: thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lái xe Trung tâm đăng kiểm tư nhân 11 02D Cao Bằng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn R, sinh năm: 1952 (đã chết); Con bà: Phạm Thị Kim D, sinh năm: 1955 (trú tại: phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Lương Phương L, sinh năm: 1987; trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có 02 con, sinh năm 2009 và sinh năm 2012; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân:

- Năm 1996 bị Tòa án thành phố Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích;
- Năm 2001 bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.
- Năm 2004 bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07 đến ngày 12/3/2019; được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh từ ngày 12/3/2019, hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn H**, tên gọi khác: không; Giới tính: nam;

Sinh ngày: 02/6/1978 tại: C, Hà Nội;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn V, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội (Tạm trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 10/12 phổ thông; Con ông: Phạm Văn H, sinh năm: 1957; Con bà: Nguyễn Thị L - sinh năm: 1960 (cùng trú tại: thôn V, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội); Có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1981 (trú tại: thôn V, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội); Có 02 con, sinh năm 2003 và sinh năm 2006;

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07 đến ngày 12/3/2019; được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh từ ngày 12/3/2019; hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, tên gọi khác: không; Giới tính: nam;

Sinh ngày: 27/12/1976 tại: Y, Bắc Giang;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 6/12 phổ thông. Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1944; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (cùng trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang); Có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Đặng Thị H, sinh năm 1977 (trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang); Có 02 con, con đầu sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2006; Tiền sự: không. Tiền án: không.

Nhân thân: năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội buôn lậu, Trại giam Ngọc Lý tha ngày 31/8/2011.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07 đến ngày 12/3/2019, áp dụng biện pháp Bảo lĩnh từ ngày 12/3/2019; hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, tên gọi khác: T D; Giới tính: nữ.

Sinh ngày: 27/5/1975 tại: Đ, Hà Nội;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Q, B, Đ, Hà Nội (tạm trú tại: tổ S, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 07/12 phổ thông; Con ông: Phan Văn T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Chồng: Nông Văn Q, sinh năm 1969; trú tại: tổ S, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Con: bị cáo có 02 con, con đầu sinh năm 1992, con thứ hai sinh năm 2005;

Tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án, ngày 14,15/01/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Đánh bạc.

Nhân thân:

- Năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền 30.000.000đ về tội Đánh bạc.

- Ngày 21/4/2019 bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bắt về tội Đánh bạc.

Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 07 đến ngày 12/3/2019; áp dụng biện pháp Bảo lĩnh từ ngày 12/3/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng về một vụ án khác từ ngày 21/4/2019.

Người có quyền lợi liên quan: Nguyễn Thị N - sinh năm 1958;

Nơi cư trú: tổ S, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/3/2019, Nguyễn Thái T đang ở nhà tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì Nguyễn Văn H là người quen đến chơi, cùng ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong thì có Phạm Văn H đến chơi, cả ba ngồi nói chuyện đến 13 giờ T đi làm; H, H vẫn ngồi lại nhà T. Được khoảng 15 phút sau thì có Nguyễn Thị T đến chơi, cả ba người ngồi nói chuyện được một lúc thì H nói *"Mưa gió thế này làm tí sâm đi nhỉ"*(ý là rủ đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh "sâm"); H và T đồng ý.

Sau khi tất cả nhất trí, H, H, T lấy bộ tú lơ khơ (loại 52 quân bài) có sẵn tại bàn trong phòng ngủ của T rồi cùng nhau đánh "sâm" ăn tiền, mỗi ván chia cho mỗi người 10 lá bài. Người nhất là người đánh hết bài đầu tiên và sẽ được tiền của những người còn lại. Những người thua sẽ phải trả tiền tương ứng với số lá bài mình còn là 10.000đ/lá. Nếu bài người nào "cháy" (không đánh được lá bài nào) sẽ phải trả 150.000đ. Ngoài ra người chơi còn "báo sâm" (đánh liên tục đến hết mà không ai chặn được bài) thì sẽ được của những người còn lại 200.000đ/người, còn nếu bị chặn thì người đó sẽ phải trả những người còn lại số tiền tương ứng 200.000đ/người.

Cả ba đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì T đi làm về rồi cùng tham gia đánh bạc. Khi chơi bài, T dùng số tiền khoảng hơn 2.000.000đ, H bỏ ra 700.000đ, H bỏ ra 1.300.000đ, T bỏ ra 1.020.000đ. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả 04 người đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an thành phố Cao Bằng bắt quả tang.

Tang vật thu giữ trên chiếu bạc gồm: 5.250.000đ tiền Việt Nam; 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài. Thu giữ trên người: Nguyễn Thái T (01 điện thoại Iphone 5 màu trắng); Phạm Văn H (01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO neo 7 màu vàng đồng và số tiền: 5.200.000đ); Nguyễn Văn H (02 điện thoại di động: 01 điện thoại Nokia 105 màu đỏ, 01 điện thoại Iphone 6plus màu vàng đồng cùng số tiền: 1.515.000đ); Nguyễn Thị T (01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng).

Với hành vi trên, Nguyễn Thái T và đồng bọn đã bị Công an thành phố Cao Bằng khởi tố, lập hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 74/CT-VKSTP ngày 29/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thái T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T, Phạm Văn H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Thị T đề nghị được trả lại điện thoại Iphone bị thu giữ vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo; xác định Nguyễn Thái T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T có tình tiết tăng nặng là tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với cả 4 bị cáo, tuyên bố cả 4 bị cáo phạm tội "Đánh bạc"; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T; xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thái T, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H mỗi bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 đến 09 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ đã qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.765.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 plus màu trắng đã thu giữ trong vụ án.

Về án phí và quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật. Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và

hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng là số tiền thu giữ trong vụ án.

Có đủ căn cứ kết luận: hồi 16 giờ ngày 07/3/2019 tại tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, Nguyễn Thái T, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh "sâm". Tổng số tiền các bị cáo bỏ ra trong khi đánh bạc là 5.250.000đ (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), thu giữ trên người của Nguyễn Văn H là 1.515.000đ (một triệu năm trăm mười năm nghìn đồng), ý thức của H là nếu tiếp tục thua sẽ sử dụng số tiền này để đánh bạc. Do đó, tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 6.765.000đ (sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lời bất chính bằng cách sát phạt nhau nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước nhưng khi bị cáo H khởi xướng, H và T hưởng ứng. Bị cáo T sau khi đi làm về thấy ba bị cáo đánh bạc tại chỗ ở của mình cũng không can ngăn mà tham gia tích cực vào hành vi phạm tội, cả 4 bị cáo đều có vai trò người thực hành nên đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Mặc dù mỗi bị cáo sử dụng số tiền khác nhau để đánh bạc nhưng các bị cáo đều có ý muốn sát phạt ăn tiền của bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau về hành vi phạm tội đối với tổng số tiền bị thu giữ là 6.765.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo làm phương hại đến nếp sống văn minh ở khu dân cư; xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Cao Bằng và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả của tội phạm đã gây ra.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà cả 4 bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Văn H chưa có tiền án tiền sự, chưa từng bị kết án nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thái T, Nguyễn Văn H đã được xóa án tích nên được coi là không có tiền án, tiền sự nhưng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T, H, H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T năm 2010 đã bị kết án, xử phạt tiền 30.000.000đ về tội *"Đánh bạc"*. Ngày 15/01/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt

03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng cũng về tội "Đánh bạc", tuy nhiên bản án này không áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm" đối với bị cáo. Do bản án chưa được xóa án tích nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm " theo khoản 1 Điều 52 BLHS và lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội trong thời gian thử thách.

[4] Về hình phạt chính: số tiền các bị cáo phạm tội và thu lời bất chính không lớn, nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo T, H và H cũng đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo.

Do bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội trong thời gian thử thách và có nhân thân xấu, có tình tiết tăng nặng nên cần phải áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn đối với bị cáo ở trên mức khởi điểm và tổng hợp với hình phạt tù đã bị xử phạt tại bản án trước theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; để cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo .

[6] Đối với vật chứng, tài sản thu giữ của các bị cáo: trong quá trình điều tra xác định được tài sản là 03 điện thoại của T, H, H và 5.200.000đ bị cáo H nhận của bà N để mua xăng dầu chở hàng không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại các bị cáo và trả cho bà N theo biên bản trao trả đồ vật tài sản trong hồ sơ.

Xét ý kiến của bị cáo T xin trả lại điện thoại Iphone 6 plus màu trắng bị thu giữ, điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên được trả lại cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị N đã nhận lại số tiền của bà đưa cho bị cáo H là 5.200.000đ và không có ý kiến khác nên cần được ghi nhận trong bản án.

Vật chứng của vụ án là bộ bài đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 6.765.000 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm, cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước .

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thái T, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H và Nguyễn Thị T phạm tội *"Đánh bạc"*.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 65 và Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H.

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thái T, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) tháng tù, tổng hợp với bản án số 01/HSST/2015 ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng (đã xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Đánh bạc); bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm 07 tháng (bốn mươi ba) tháng tù. Được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam của bản án trước là từ ngày 25/3/2014 đến ngày 04/6/2014 và thời gian bị cáo đã bị tạm giữ trong vụ án này từ ngày 07/3/2019 đến ngày 12/3/2019.

Thời gian thụ hình được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam 21/4/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử: tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ loại 52 quân bài đã qua sử dụng vì không có giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.765.000 đồng *(sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 plus màu trắng, có ốp màu đen, có số imei: 354452064141760 đã qua sử dụng.

Xác nhận bà Nguyễn Thị N đã nhận lại 5.200.000đ tại biên bản ngày 24/6/2019 và không có ý kiến khác.

Xác nhận toàn bộ vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 29/7/2019.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thái T, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hợp